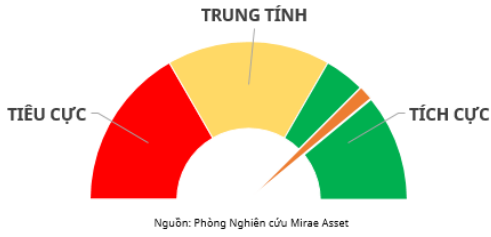


Thang đo sức mạnh thị trường



22 Tháng Mười 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,389.24	-0.25	2.85	46.25
HNX	391.21	1.66	7.64	177.73
UPCOM	100.36	0.93	2.78	57.70
MSCI EM	1,293.00	0.73	2.39	13.77
NIKKEI	28,804.85	-0.91	-2.82	22.71
HANG SENG	26,126.93	3.14	7.87	5.41
KOSPI	3,006.16	-0.30	-4.28	27.65
FTSE	7,218.73	-0.21	1.91	24.77
S&P 500	4,549.78	2.51	3.51	31.74
NASDAQ	15,215.70	2.65	2.14	32.24

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.57	2.66	16.30
SET INDEX	20.00	1.78	7.65
JCI INDEX	25.73	1.63	-1.52
PCOMP INDEX	25.03	1.81	7.51

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.91	1	2	-31
10 năm	2.15	1	5	-42

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,755	-0.03	-0.01	1.82
US\$/KRW	1,177	0.45	-0.15	-3.75
US\$/JPY	114	0.25	-3.65	-7.97
US\$/EUR	0.86	-0.32	0.43	1.55
US\$/GBP	0.72	-0.39	-1.35	-5.21
US\$/SGD	1.34	0.28	0.65	0.91

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	871	824	712
HNX	130	111	103
UPCOM	104	82	50



Nhận định thị trường

Tiếp tục giằng co tại trước ngưỡng 1.400, VN-Index có tuần đi ngang

VN-Index trải qua 1 tuần giao dịch giằng co với biên độ hẹp nhất từ đầu năm đến nay. Trải qua 2 phiên đầu tuần gần như không biến động, VN-Index đã dao động mạnh hơn trong phiên ngày 20 và 21/10 trùng với thời điểm chốt hợp đồng phái sinh tháng 10. Chốt tuần chỉ số đã giảm 3,45 điểm, tương ứng mức giảm 0,25% để chốt tuần tại 1.389,24.

Trong tuần đi ngang của chỉ số, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ đã tỏ ra vượt trội so với bluechip, Trong nhóm 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index tuần này, có đến 7/10 mã là cổ phiếu vốn hóa trung bình. PDR dẫn đầu với mức ảnh hưởng +1 điểm lên VN-Index, NLG là cổ phiếu tăng mạnh nhất trong top 10 với mức tăng 16,1% trong tuần và giúp VN-Index tăng 0,7 điểm.

Khối ngoại đã bán ròng cả 5 phiên với tổng giá trị bán ròng đạt hơn 3.425 tỷ đồng. HPG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 1.017 tỷ đồng, gần gấp 2 lần mã thứ 2 là NLG với giá trị bán ròng 528 tỷ đồng. VNM dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị 344 tỷ đồng.

Diễn biến đi ngang trong 9 phiên liên tiếp của VN-Index đã kéo các chỉ báo kỹ thuật về trạng thái trung tính, xu hướng ngắn hạn và trung hạn theo đó cũng duy trì trạng thái đi ngang. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, NĐT cần quan sát nhiều hơn đến các nhóm cổ phiếu riêng lẻ hơn là VN-Index. Chỉ số hiện đang chịu ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến của nhóm cổ phiếu Ngân hàng. NĐT tỏ ra lo lắng trước tình trạng nợ "cần theo dõi" bao gồm nợ xấu và nợ cơ cấu do ảnh hưởng dịch Covid-19. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+0 (TRUNG TÍNH)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 16,57.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 4.058 tỷ đồng, đạt 49% tổng khối lượng gọi thầu, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm về 1,6 lần từ mức 1,8 lần của tuần trước. Kỳ hạn 10 năm có khối lượng trúng thầu cao nhất với 2.250/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,15% (+1bps), kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 50/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,35% (-2bps) và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 1.758/ 2.200 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,98% (+0bps). Trong khi đó kỳ hạn 5 năm đã không thành công dù khối lượng chào mua là 2.000 tỷ đồng
- Tuần sau vào ngày 27/10 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (5) Kỳ hạn 20 năm với khối lượng 1.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 13 - 20/10, lãi suất kỳ hạn O/N giảm nhẹ về mức 0,65% (-1bps). Kỳ hạn 1 tuần giữ nguyên tại mức 0,75%. Các kỳ hạn 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng ghi nhận các mức giảm -11 bps, -35bps và -1bps lần lượt về các mức 0,81% và 1,15% và 1,85%. Kỳ hạn 6 tháng ghi nhận mức giảm mạnh nhất là 112bps về mức 1,94%.
- **Tỷ giá VND/USD tại ngày 22/10/21 của NHNN** đã giảm 0,073% so với cuối tuần trước, về mức 23.142 VND/USD. Tỷ giá NHTM giảm 0,022% ở cả chiều mua lẫn bán về mức 22.625 - 22.855 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do tăng cả chiều mua lẫn bán, lần lượt các mức 0,518% và 0,387% lên mức 23.280 - 23.330 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/10/2021)	1,389.24	Kháng cự 1	1.400
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.370
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.320

Diễn biến đi ngang trong 9 phiên liên tiếp của VN-Index đã kéo các chỉ báo kỹ thuật về trạng thái trung tính, xu hướng ngắn hạn và trung hạn theo đó cũng duy trì trạng thái đi ngang. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+0 (TRUNG TÍNH)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

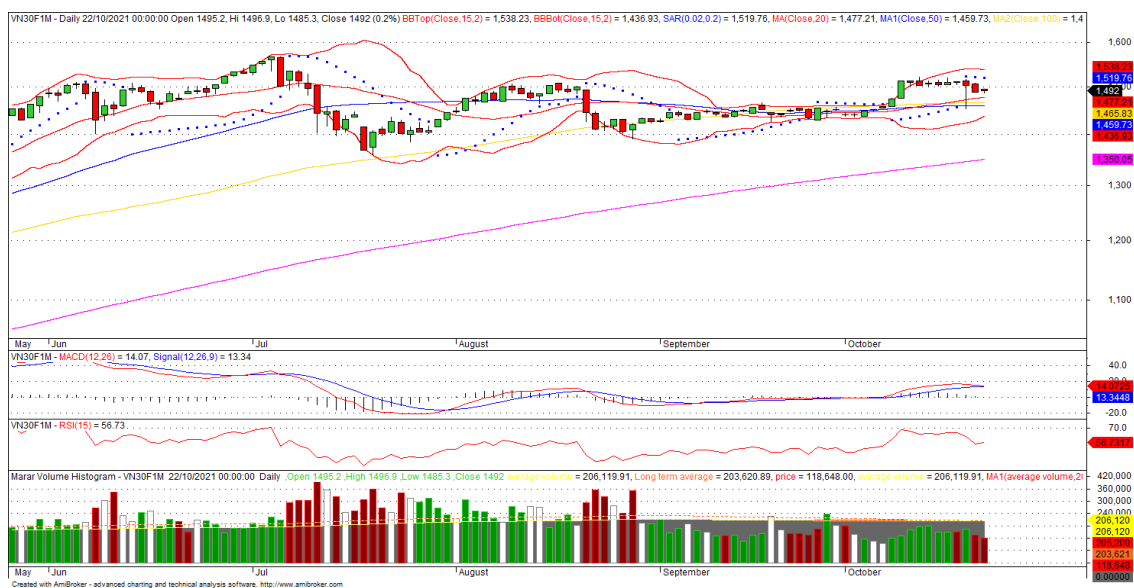
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/10/2021)	1,492	Kháng cự 1 1.530
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.488	Hỗ trợ 1 1.475
Chênh lệch VN30F1M & VN30	3,29	Hỗ trợ 2 1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M đang có xu hướng kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của mình quanh 1,475 điểm. Xu hướng trong trung hạn vẫn cho tín hiệu lạc quan, vì vậy nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao có thể mở vị thế quanh ngưỡng hỗ trợ để kỳ vọng nhịp tăng tới của thị trường. Còn đối với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro trung bình và thấp nên đứng ngoài theo dõi diễn biến kiểm định của VN30F1M.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,473
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,460
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,500

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
IDC	Bất động sản	62,800	2,826,380	82	7	Top sức mạnh ngành
D2D	Bất động sản	63,300	300,160	100	6	Top sức mạnh ngành
DIG	Bất động sản	42,600	8,228,685	98	7	Top sức mạnh ngành
IJC	Bất động sản	31,950	6,676,180	74	7	Top sức mạnh ngành
PHR	Nhựa, cao su & sợi	58,200	630,680	94	6	
DPM	Phân bón	46,550	8,104,985	80	4	Top sức mạnh ngành
NKG	Thép	55,400	7,388,285	73	6	
VHC	Thủy sản	61,900	1,610,000	91	7	
ASM	Thủy sản	18,150	4,340,155	72	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PDR	99	4,412,040	7	KHẢ QUAN	48,190	30.5	7.8	437
DIG	42.6	8,228,685	7	KHẢ QUAN	21,295	23.3	3.6	351
PVD	27.35	9,439,350	7	KHẢ QUAN	11,518	1,243.0	0.9	258
IJC	31.95	6,676,180	7	KHẢ QUAN	6,936	9.3	2.1	213
NLG	54.2	3,463,350	7	KHẢ QUAN	18,714	11.3	2.1	188
IDC	62.8	2,826,380	7	KHẢ QUAN	18,840	37.1	4.8	177
SCR	14.2	11,097,365	7	KHẢ QUAN	5,202	17.8	1.1	158
DXG	22.5	5,617,260	7	KHẢ QUAN	13,411	16.3	1.6	126
GEX	24.55	5,090,210	7	KHẢ QUAN	19,178	14.2	2.0	125
KDH	45.55	2,656,505	7	KHẢ QUAN	29,286	23.2	3.3	121
BCG	23.5	4,677,835	7	KHẢ QUAN	6,992	7.4	1.8	110
VHC	61.9	1,610,000	7	KHẢ QUAN	11,262	13.8	2.0	100
ITA	8.24	10,178,375	7	KHẢ QUAN	7,732	43.6	0.7	84
NTL	43.45	1,870,295	7	KHẢ QUAN	2,650	8.7	2.3	81
FCN	16.5	4,876,905	7	KHẢ QUAN	2,070	14.7	0.9	80
ASM	18.15	4,340,155	7	KHẢ QUAN	4,698	11.4	1.0	79
TTF	9.15	7,788,220	7	KHẢ QUAN	2,847	#N/A N/A	#N/A N/A	71
SZC	60.5	1,151,740	7	KHẢ QUAN	6,060	23.6	4.3	70
VIX	21.2	3,216,445	7	KHẢ QUAN	5,821	6.4	2.0	68
APS	32.8	2,072,325	7	KHẢ QUAN	2,558	7.7	2.8	68
BII	18.2	3,607,180	7	KHẢ QUAN	1,050	5.9	1.8	66
REE	76	778,545	7	KHẢ QUAN	23,488	13.1	1.9	59
LDG	8.88	6,565,935	7	KHẢ QUAN	2,126	197.3	0.7	58
NKG	55.4	7,388,285	6	KHẢ QUAN	12,099	8.2	2.6	409
GVR	38.3	3,534,195	6	KHẢ QUAN	153,200	32.4	3.2	135
VGT	21.6	5,326,910	6	KHẢ QUAN	10,800	37.9	1.7	115
CII	19.7	3,866,350	6	KHẢ QUAN	4,706	155.3	1.0	76

DPG	69.8	1,076,780	5	KHẢ QUAN	4,397	14.2	3.7	75
IDJ	47.7	1,252,375	5	KHẢ QUAN	3,507	23.7	4.2	60
NDN	21.5	2,587,845	5	KHẢ QUAN	1,541	4.0	1.7	56
DPM	46.55	8,104,985	4	KHẢ QUAN	18,217	11.6	2.0	377
VRE	30.65	4,810,700	4	KHẢ QUAN	69,647	25.7	2.3	147
FIT	12.8	9,835,785	4	KHẢ QUAN	3,261	23.6	1.0	126
HDG	65.4	1,476,960	4	KHẢ QUAN	10,702	15.3	3.1	97
TLH	23.75	2,998,130	4	KHẢ QUAN	2,390	4.9	1.3	71
HQC	4.57	15,144,325	4	KHẢ QUAN	2,178	502.7	0.5	69
LCG	16.7	6,599,255	3	TRUNG TÍNH	2,914	6.6	1.3	110
TCB	52.3	11,449,120	2	TRUNG TÍNH	183,621	10.5	2.1	599
VPB	37.2	9,356,185	2	TRUNG TÍNH	165,372	13.3	2.7	348
STB	26.2	12,656,180	2	TRUNG TÍNH	49,393	13.6	1.6	332
VND	52.2	5,768,695	2	TRUNG TÍNH	22,395	12.1	3.7	301
VCI	61.9	4,234,785	2	TRUNG TÍNH	20,613	14.9	3.3	262
DCM	33.2	6,630,710	2	TRUNG TÍNH	17,576	28.4	2.6	220
VIC	91.8	2,238,805	2	TRUNG TÍNH	349,319	52.0	3.8	206
SHS	37.5	3,815,510	2	TRUNG TÍNH	10,773	8.5	1.9	143
ACB	31.6	4,027,370	2	TRUNG TÍNH	85,382	8.8	2.1	127
PC1	40.8	2,157,780	2	TRUNG TÍNH	7,800	11.8	1.8	88
PET	30.6	2,534,495	2	TRUNG TÍNH	2,749	13.9	1.6	78
HHV	20.1	3,838,835	2	TRUNG TÍNH	5,374	34.5	0.9	77
KDC	57.5	1,250,770	2	TRUNG TÍNH	13,153	25.7	2.2	72
HBC	16.9	7,632,835	1	TRUNG TÍNH	4,097	29.3	1.1	129
MBB	27.9	10,284,315	0	TRUNG TÍNH	105,415	10.1	2.0	287
CTG	29.65	9,150,420	0	TRUNG TÍNH	142,491	8.7	1.5	271
NVL	102.7	2,131,705	0	TRUNG TÍNH	152,223	28.7	4.5	219
FLC	11.8	18,361,484	0	TRUNG TÍNH	8,378	4.6	0.9	217
DGC	159.3	1,162,045	0	TRUNG TÍNH	27,253	21.9	5.5	185
TCH	17	7,981,625	0	TRUNG TÍNH	10,518	8.2	1.2	136
HAH	69.9	1,867,175	0	TRUNG TÍNH	3,313	15.8	2.9	131
PVT	24.7	4,905,675	0	TRUNG TÍNH	7,994	9.9	1.6	121
VJC	132.5	883,030	0	TRUNG TÍNH	71,384	473.1	4.2	117
DBC	57.5	1,860,785	0	TRUNG TÍNH	6,626	6.8	1.4	107
DLG	6.72	14,574,995	0	TRUNG TÍNH	2,011	#N/A N/A	0.9	98
PAN	30	3,098,770	0	TRUNG TÍNH	6,267	28.4	1.7	93
TNG	31.1	2,928,165	0	TRUNG TÍNH	2,671	13.5	1.9	91
KSB	37.05	2,142,910	0	TRUNG TÍNH	2,716	10.8	1.6	79
DHC	94.2	824,250	0	TRUNG TÍNH	6,593	12.8	4.2	78
FRT	47.7	1,539,170	0	TRUNG TÍNH	3,767	56.6	3.0	73
HDC	94.7	708,155	0	TRUNG TÍNH	8,189	23.8	6.0	67
CTR	87.7	720,005	0	TRUNG TÍNH	8,149	29.2	7.7	63
VNM	90.5	3,294,900	-1	TRUNG TÍNH	189,141	19.8	6.0	298
FPT	96.2	2,087,390	-1	TRUNG TÍNH	87,299	22.7	5.2	201
LPB	20.85	4,418,230	-1	TRUNG TÍNH	25,095	9.1	1.6	92
SHB	27.6	20,633,960	-2	TRUNG TÍNH	53,145	14.3	2.0	569
HSG	49	9,910,470	-2	TRUNG TÍNH	24,181	6.3	2.4	486
BSR	23.1	16,059,835	-2	TRUNG TÍNH	71,622	#N/A N/A	2.3	371

TPB	43.2	5,861,725	-2	TRUNG TÍNH	50,616	9.7	2.0	253
HCM	37.5	3,926,135	-2	TRUNG TÍNH	17,159	14.1	2.9	147
AAA	16.15	5,116,065	-2	TRUNG TÍNH	5,272	12.9	1.1	83
TDH	12.05	4,967,325	-2	TRUNG TÍNH	1,357	#N/A N/A	0.9	60
ROS	5.59	9,939,410	-2	TRUNG TÍNH	3,173	17.3	0.5	56
GMD	49.7	3,205,990	-3	TRUNG TÍNH	14,978	36.6	2.4	159
HPG	56.7	26,748,300	-4	TIÊU CỰC	253,615	10.1	3.4	1,517
VHM	78	4,906,375	-4	TIÊU CỰC	339,641	10.1	3.5	383
PVS	28.6	10,067,425	-4	TIÊU CỰC	13,670	25.2	1.1	288
GAS	112.1	2,276,375	-4	TIÊU CỰC	214,554	27.5	4.6	255
MWG	127.6	1,537,050	-4	TIÊU CỰC	90,967	19.9	5.0	196
HT1	24.25	4,554,145	-4	TIÊU CỰC	9,252	20.0	1.7	110
SBT	21.05	4,607,840	-4	TIÊU CỰC	13,244	22.1	1.6	97
ORS	28	3,406,570	-4	TIÊU CỰC	5,600	26.6	4.4	95
BVH	60.3	1,559,105	-4	TIÊU CỰC	44,762	23.9	2.1	94
DRH	19	3,190,440	-4	TIÊU CỰC	1,147	50.6	1.4	61
PNJ	99	610,245	-4	TIÊU CỰC	22,509	23.5	3.9	60
HDB	24.55	2,279,875	-4	TIÊU CỰC	48,909	9.3	1.9	56
SSI	39.2	8,795,330	-5	TIÊU CỰC	38,524	21.1	3.4	345
MSN	140.1	843,100	-5	TIÊU CỰC	165,393	78.4	7.7	118
PLX	52.9	1,845,770	-5	TIÊU CỰC	67,214	16.5	2.7	98
KBC	43.65	10,644,900	-6	TIÊU CỰC	24,870	24.1	2.0	465
POW	12.1	16,725,595	-6	TIÊU CỰC	28,337	11.2	1.0	202
VCB	94.7	965,510	-6	TIÊU CỰC	349,747	17.0	3.3	91
DGW	111.6	584,025	-7	TIÊU CỰC	9,866	24.2	7.1	65

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Hé lộ 2 cảng quan trọng bậc nhất thế giới, là chìa khoá giải quyết tình trạng chuỗi cung ứng tắc nghẽn nghiêm trọng

Theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới và IHS Markit, cảng Los Angeles và Long Beach ở Nam California là những cảng xử lý nhiều hàng hoá đường biển nhất nước Mỹ, nhưng lại nằm trong số những cảng hoạt động kém hiệu quả nhất thế giới.

Trong báo cáo Container Port Performance Index so sánh 351 cảng container trên toàn cầu, Los Angeles xếp thứ 328, sau cảng Dar es Salaam của Tanzania và Dutch Harbor của Alaska. Cảng Long Beach gần đó thậm chí còn có thứ hạng thấp hơn, đứng thứ 333, sau Vịnh Nemrut của Thổ Nhĩ Kỳ và Mombasa của Kenya.

Tổng số tàu chờ dỡ hàng ngoài khơi hai cảng gần kề này đã đạt con số kỷ lục mọi thời đại là 100 tàu trong ngày 18/10. Các thương vụ mua bán hàng hoá nhập khẩu của Mỹ đã tăng mạnh, khiến cơ sở hạ tầng của chuỗi cung ứng không thể xử lý được, gây ra tình trạng trì hoãn giao hàng và tắc nghẽn.

Hai cảng đứng đầu bảng xếp hạng là Yokohama của Nhật Bản và cảng King Abdullah của Saudi Arabia. Ba cảng còn lại nằm trong top 5 là cảng Chiwan, một phần của cảng Thâm Quyển ở tỉnh Quảng Đông, cảng Quảng Châu ở nam Trung Quốc và cảng Cao Hùng của Đài Loan.

Các cảng ở châu Á, Trung Đông và Bắc Phi chiếm vị trí 50 cảng hàng đầu trên bảng xếp hạng. Các cảng của Mỹ chỉ góp mặt trong top 100, bao gồm cảng Philadelphia (thứ 83), cảng Virginia (thứ 85), cảng New York và New Jersey (thứ 89) và cảng Charleston, Nam Carolina (thứ 95).

Evergrande tiến hành thanh toán 83.5 triệu USD lãi trái phiếu

Đây là khoản lãi đối với trái phiếu USD đến hạn vào tháng 3/2022 của Evergrande. Giới đầu tư đang theo dõi sát sao bước đi của Evergrande kể từ khi tập đoàn nặng nợ này cảnh báo họ có thể vỡ nợ trong tháng 9/2021.

Thông tin từ Securities Times cho biết Evergrande đã chuyển 83.5 triệu USD thông qua Citibank. Citibank từ chối nhận định về thông tin này.

Evergrande cho tới nay đã trễ hạn thanh toán 4 đợt trả lãi trái phiếu trong tháng 9-10/2021.

Ngoài ra, tập đoàn bất động sản này cũng lên kế hoạch trả lãi trái phiếu trước hạn chót của giai đoạn ân hạn vào ngày 23/10, theo Securities Times.

Thông tin trên được đưa ra ngay sau khi Evergrande thông báo thương vụ bán cổ phần tại công ty quản lý bất động sản bất thành.

Đề xuất gói tín dụng 30.000 tỷ đồng làm nhà ở công nhân, NOXH

Bộ Xây dựng vừa công bố thông tin về nhà ở cho công nhân lao động làm việc tại các khu công nghiệp - khu chế xuất.

Theo báo cáo, trên địa bàn cả nước đến nay đã hoàn thành 266 dự án nhà ở xã hội, quy mô xây dựng khoảng hơn 142.000 căn, với tổng diện tích hơn 7,1 triệu m²; đang tiếp tục triển khai 278 dự án, với quy mô xây dựng khoảng 276.000 căn, với tổng diện tích khoảng 13,8 triệu m².

Đồng thời, Bộ Xây dựng đề nghị Chính phủ xem xét, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện chính sách nhà ở xã hội cho Ngân hàng chính sách xã hội cũng như các tổ chức ngân hàng được chỉ định để cho vay phát triển nhà ở xã hội trong giai đoạn 2021 - 2025.

Trong đó, sớm bố trí nguồn vốn 3.000 tỷ đồng cho phát triển nhà ở xã hội (trong đó có nhà công nhân) theo Nghị quyết 41 ngày 9/4/2020 của Chính phủ.

Bộ Xây dựng đề nghị UBND cấp tỉnh rà soát, yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, nghiên cứu dành một phần quỹ đất dịch vụ trong khu công nghiệp làm nhà lưu trú công nhân.

Ngoài ra, Bộ Xây dựng cũng kiến nghị bổ sung gói tín dụng khoảng 30.000 tỷ đồng theo hình thức tái cấp vốn cho chủ đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất vay để đầu tư phát triển nhà ở xã hội, trong đó có nhà ở công nhân, góp phần đảm bảo "mục tiêu kép",...

Bay quốc tế sẽ mở dần theo 4 giai đoạn?

Cục Hàng không đề xuất giai đoạn 1 ngay trong quý 4 năm 2021 khôi phục các chuyến bay quốc tế trọn gói (combo) cho các đối tượng là công dân Việt Nam song song với việc tổ chức chuyến bay thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến một số địa phương (Phú Quốc, Khánh Hòa, Quảng Ninh...).

Giai đoạn 2 (từ tháng 1.2022), Cục Hàng không đề xuất thí điểm các chuyến bay quốc tế thường lệ chỉ chở khách có giấy chứng nhận đã tiêm đủ liều vắc xin phòng Covid-19 hoặc có xác nhận khỏi bệnh Covid-19 vào Việt Nam, mà không cần văn bản đồng ý cho vào Việt Nam của các cơ quan chức năng (trừ các yêu cầu về xuất nhập cảnh và kiểm soát y tế).

Thị trường triển khai thực hiện ban đầu là các đường bay giữa Việt Nam và Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Pháp, Đức, Nga, Úc và các thị trường an toàn khác không nằm trong khuyến cáo hạn chế nhập cảnh theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 với tần suất ban đầu 4 chuyến/tuần/chiều cho mỗi bên.

Giai đoạn 3 (dự kiến từ tháng 4.2022) tùy thuộc vào tiến trình tiêm vắc xin tại Việt Nam và đánh giá về tính miễn dịch cộng đồng sau khi tiêm vắc xin đại trà trong xã hội), sẽ triển khai các chuyến bay thường lệ chở khách vào Việt Nam không yêu cầu cách ly sau nhập cảnh khi áp dụng cơ chế "hộ chiếu vắc xin".

Giai đoạn 4 từ tháng 7.2022: khai thác chuyến bay quốc tế thường lệ theo nhu cầu, tùy thuộc vào tiến trình tiêm vắc xin tại Việt Nam và đánh giá về tính miễn dịch cộng đồng sau khi tiêm vắc xin đại trà trong xã hội.

Quốc hội xem xét cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, trình bày Tờ trình dự thảo Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển của các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa và Thừa Thiên Huế, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết, việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các tỉnh, thành phố nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong việc thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 26, Thông báo số 55 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 45 về xây dựng và phát triển TP. Hải Phòng; Nghị quyết số 54 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và Nghị quyết số 58 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá.

Dự thảo các Nghị quyết của Quốc hội được xây dựng dựa trên 5 quan điểm. Thứ nhất, phù hợp với đường lối, phương hướng, nhiệm vụ phát triển của các địa phương tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi.

Thứ hai, đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể trong các quy định pháp luật hiện hành; bảo đảm tính tương đồng với các tỉnh, thành phố trong cả nước có Nghị quyết riêng của Bộ Chính trị.

Thứ ba, cơ chế đặc thù phải được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương; có tác động lan tỏa vùng miền; gắn với đề cao tính tự lực, tự cường, phát huy tính năng động, sáng tạo.

Thứ tư, phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, không ảnh hưởng lớn đến vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương theo quy định của Hiến pháp; không làm tăng bội chi ngân sách nhà nước và trần nợ công đã được Quốc hội quyết định.

Thứ năm, tăng cường phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền của địa phương; đồng thời bảo đảm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của các địa phương.

Hodeco tiếp tục lãi lớn từ loạt dự án ở Vũng Tàu: The Light City, Ngọc Tước, Ecotown Phú Mỹ,...

BCTC hợp nhất quý III/2021 của doanh nghiệp cho thấy, doanh thu thuần trong quý đạt trên 281 tỷ đồng, tăng gần 45% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản cao gần gấp đôi cùng kỳ, đóng góp hơn 266 tỷ đồng.

Hodeco cho biết, doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận một phần dự án The Light City giai đoạn 1 và một số dự án khác như Ngọc Tước, Tây 3/2, Ecotown Phú Mỹ.

Biên lãi gộp của doanh nghiệp tăng từ 37,4% lên 55,8% và các chi phí hoạt động trong quý đều giảm so với cùng kỳ. Kết quả, Hodeco lãi ròng gần 68 tỷ đồng, tăng hơn 124% so với quý III năm ngoái.

Lũy kế trong 9 tháng đầu năm, doanh nghiệp đạt gần 920 tỷ đồng doanh thu thuần và 210 tỷ đồng lãi ròng, lần lượt tăng 66,5% và 90,9% so với cùng kỳ.

Với kết quả trên, Hodeco đã thực hiện được 70,1% kế hoạch doanh thu và 82% kế hoạch lợi nhuận năm. Theo kế hoạch năm nay, Hodeco tiếp tục hoàn tất bàn giao các căn hộ khu chung cư Bình An, Bình Giã Resident và Khu nhà ở phía Tây đường 3/2 cho khách hàng và kinh doanh phần còn lại tại các dự án này.

DPM lãi ròng 618 tỷ đồng trong quý 3, gấp 3.4 lần cùng kỳ

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (HOSE: DPM) tiếp tục kinh doanh tích cực trong quý 3/2021 với doanh thu thuần 2,824 tỷ đồng và lãi ròng 618 tỷ đồng, lần lượt tăng 44% và 239% (gấp 3.4 lần) so cùng kỳ.

DPM ghi nhận giá bán và sản lượng kinh doanh mặt hàng phân bón quý 3/2021 tăng dẫn đến doanh thu mặt hàng phân bón tăng, làm cho lợi nhuận quý 3/2021 tăng tương ứng.

Công ty đem về 2,824 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 44% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu trong nước chiếm 2,370 tỷ đồng, còn lại là xuất khẩu. Đáng chú ý, biên lãi gộp đến 36.9% (cùng kỳ 22.2%).

Nhờ đó, Công ty báo lãi ròng 618 tỷ đồng trong quý 3/2021, tăng 239%, tức gấp 3.4 lần cùng kỳ.

Tính chung giai đoạn 9 tháng đầu năm, DPM đạt 7,700 tỷ đồng doanh thu thuần và 1,473 tỷ đồng lãi ròng, lần lượt tăng 32% và 150% (gấp 2.5 lần) so cùng kỳ.

SAM Holdings nghiên cứu đầu tư khu đô thị và sân golf tại huyện Cam Lộ, Quảng Trị

Ông Võ Văn Hưng, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị vừa qua đã ký công văn đồng ý chủ trương cho CTCP SAM Holdings (Mã: SAM) nghiên cứu, khảo sát và đầu tư dự án Khu đô thị sinh thái và sân golf tại huyện Cam Lộ.

Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị còn đồng ý cho SAM Holdings nghiên cứu dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp cũng trên địa bàn này.

Ông Hưng giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND huyện Cam Lộ và các đơn vị liên quan hỗ trợ, hướng dẫn SAM Holdings trong quá trình khảo sát, nghiên cứu đầu tư.

Trước đó, UBND tỉnh Quảng Trị cũng đã cho CTCP Tập đoàn T&T khảo sát, lập quy hoạch dự án Khu tổ hợp du lịch, dịch vụ, đô thị và sân golf trên địa bàn huyện Cam Lộ, thời gian 6 tháng kể từ ngày 1/6.

Thế giới Di động ra mắt hệ thống TopZone chuyên phân phối sản phẩm Apple, mục tiêu mở từ 50 - 60 cửa hàng đến hết quý 1/2022

Hôm nay, 22/10, CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) chính thức ra mắt TopZone, chuỗi bán lẻ uỷ quyền các sản phẩm Apple chính hãng. Hệ thống đặt tham vọng chiếm lĩnh thị phần bán lẻ sản phẩm Apple với kế hoạch mở từ 50 - 60 cửa hàng từ nay đến hết tháng 3/2022.

Bốn cửa hàng TopZone đầu tiên được khai trương bao gồm 2 cửa hàng tại Hà Nội và 2 cửa hàng tại TP HCM. Cùng với đó, Thế giới Di động tiến hành giao sản phẩm iPhone 13 cho những khách hàng đầu tiên.

Một trong những lợi thế của TopZone là áp dụng chính sách bảo hành, đổi trả lại hơn 2.700 điểm bán của Thế giới Di động và Điện máy Xanh trên toàn quốc.

Theo thông tin từ MWG, hai cửa hàng TopZone quy mô lớn sẽ được cho ra mắt tại Hà Nội và TP HCM trong tháng 11.

Liên doanh của Vinamilk ra mắt sản phẩm tại Philippines, đặt mục tiêu chiếm 10% thị phần sữa

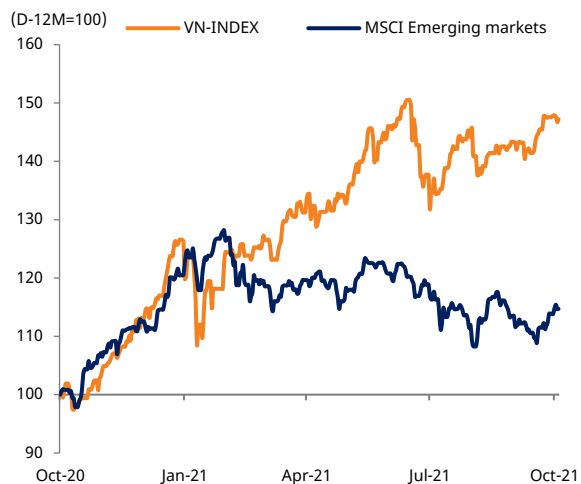
Cuối tháng 8 vừa qua, Vinamilk đã công bố đối tác liên doanh tại Philippines và chính thức ra mắt thương hiệu chung tại thị trường này là Del Monte-Vinamilk.

Theo đúng kế hoạch đã công bố, cuối tháng 9, các sản phẩm đầu tiên của liên doanh đã ra mắt thị trường này. Philippines là một đảo quốc đông dân ở Đông Nam Á với dân số đứng thứ 2 khu vực và thứ 8 châu Á. Với đặc thù của một quốc gia đang phát triển, thu nhập người dân và mức tiêu thụ các sản phẩm sữa bình quân đầu người đang ngày càng tăng.

Trong buổi họp báo ra mắt sản phẩm, bà Mai Kiều Liên - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Vinamilk cho biết: "Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác và cởi mở của đối tác trong thời gian qua và hy vọng chúng ta sẽ phát triển công ty liên doanh thành công tại Philippines trên tinh thần các bên cùng có lợi. Vinamilk tự tin có thể cung cấp cho liên doanh và người tiêu dùng Philippines các sản phẩm sản xuất từ sữa có lợi cho sức khỏe, đem lại cho người tiêu dùng Philippines thêm nhiều lựa chọn dinh dưỡng có chất lượng quốc tế."

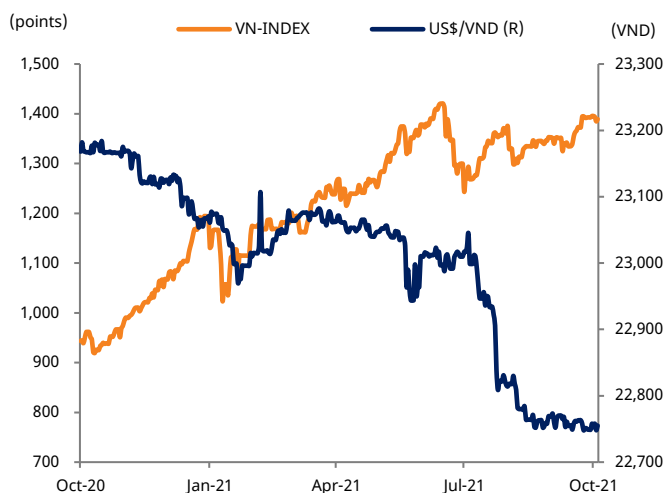
Với định hướng tập trung vào việc cung cấp giải pháp dinh dưỡng phù hợp, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, liên doanh đặt mục tiêu chiếm 10% thị phần sữa và sản phẩm từ sữa tại Philippines.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



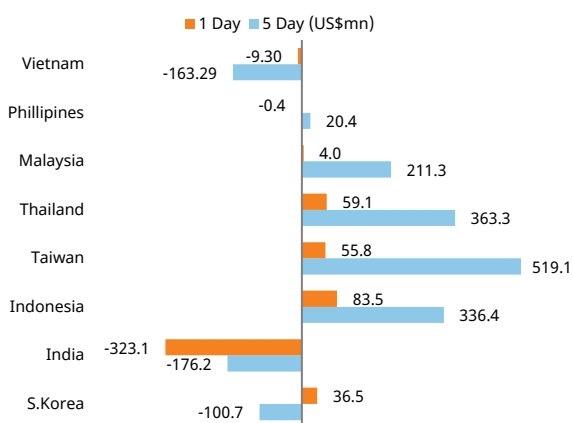
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



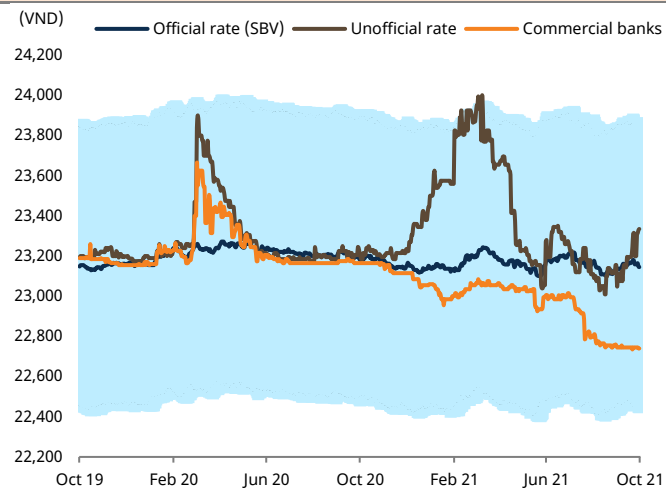
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



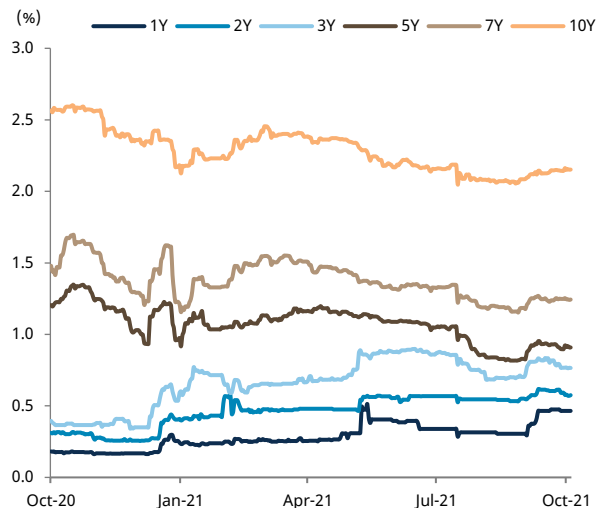
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



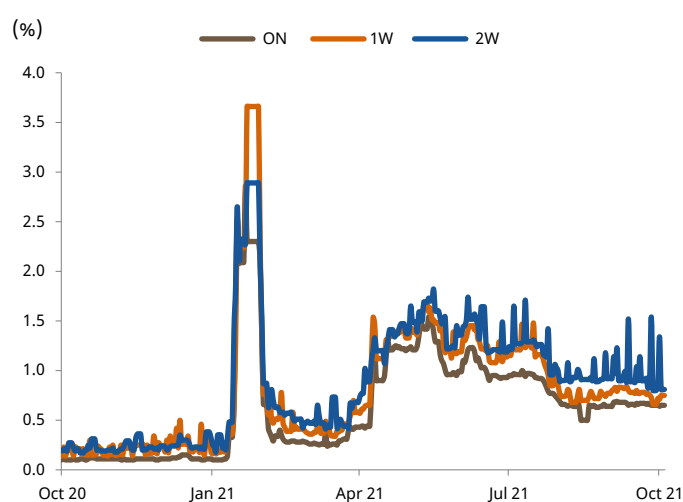
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,488.71	3,844,912		0.0	-1.1	2.4	62.1	14.3	12.0	2.6	2.2	35.1	18.9	22.2	20.5
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,600	85,382	30.0	-0.5	-1.9	0.0	54.3	8.7	6.9	1.9	1.5	29.9	24.9	25.4	24.4
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,300	158,065	16.6	-0.5	-0.5	-0.8	-8.5	17.0	12.1	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	16.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,300	44,762	26.6	0.5	0.8	2.2	11.0	25.4	24.5	2.1	2.0	13.3	3.8	8.7	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	29,650	142,491	24.5	-0.3	-3.3	-5.4	19.6	10.4	7.8	1.3	1.1	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	96,200	87,299	49.0	-0.5	-2.7	3.2	104.9	21.6	18.2	4.5	4.1	24.7	18.7	24.3	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	112,100	214,554	2.5	-0.1	0.1	26.8	52.1	23.4	19.0	4.3	3.9	18.9	23.3	18.5	21.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	38,300	153,200	0.6	3.2	0.3	3.5	167.8	38.7	34.7	2.9	2.8	4.8	11.8	9.4	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	24,550	48,909	17.7	-0.2	-4.3	-3.5	54.3	9.0	7.8	1.6	NA	27.9	15.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	56,700	253,615	25.2	-0.9	-1.0	11.4	158.6	8.2	8.2	2.7	2.0	144.0	-0.5	40.2	29.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	45,550	29,286	30.8	1.4	3.9	8.5	109.2	27.2	20.0	3.1	2.6	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,900	105,415	23.2	0.0	-1.8	-0.4	102.2	8.7	7.1	1.6	1.3	46.7	21.4	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	140,100	165,393	32.2	-0.1	-0.6	-4.7	64.8	48.9	28.5	8.5	6.6	172.0	71.7	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	127,600	90,967	49.0	0.5	-3.6	1.5	76.4	19.0	14.7	4.2	3.6	16.6	29.3	24.7	27.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,300	152,223	8.7	1.3	1.3	0.2	126.8	35.6	19.0	4.3	3.4	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	99,000	48,190	3.2	2.4	8.4	22.2	235.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	52,900	67,214	17.6	-1.1	-1.3	5.6	7.1	18.0	15.7	3.2	3.1	328.2	14.4	16.3	17.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,000	22,509	48.5	1.0	-1.5	6.3	45.2	21.0	17.0	3.9	3.3	9.4	23.4	20.9	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,100	28,337	2.8	0.4	-1.6	2.5	16.9	13.5	11.0	0.9	0.8	-10.6	23.0	7.1	8.3
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	156,500	100,361	62.7	3.0	-3.9	-0.9	-15.4	23.4	19.5	4.5	4.0	-6.4	20.5	21.2	23.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	39,200	38,524	43.7	-1.3	-3.8	-6.2	229.7	20.1	18.0	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,200	49,393	16.0	0.4	-2.4	-1.9	79.5	18.0	13.2	1.4	1.3	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,300	183,621	22.5	-1.1	-0.6	3.6	118.4	11.0	9.2	2.0	1.7	35.3	19.8	20.3	20.0
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	43,200	50,616	30.0	-1.1	-0.8	7.7	109.5	10.2	8.5	2.0	1.6	24.6	19.4	22.6	20.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,300	349,747	23.5	0.3	-2.3	-5.2	8.9	17.8	13.9	3.0	2.4	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	78,000	339,641	22.9	0.1	-0.9	0.0	30.8	9.8	9.2	2.8	2.1	24.6	6.9	32.9	27.1
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	91,800	349,319	13.7	0.9	-0.9	6.6	3.2	58.4	58.7	3.8	3.6	4.5	-0.4	5.0	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	131,800	71,384	17.6	0.0	0.1	6.9	25.5	NA	36.9	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,500	189,141	54.8	1.6	0.6	-1.1	-15.2	19.0	17.6	5.8	5.6	-0.2	8.0	32.8	34.1
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	37,200	165,372	15.4	-0.9	-0.8	0.2	161.6	13.0	11.0	2.2	1.8	20.7	17.6	18.5	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,650	69,647	30.1	0.2	0.5	7.7	9.1	27.4	19.2	2.4	2.3	6.9	42.3	7.2	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-3.46	5,368,926	0.3	-0.2	2.9	46.3	16.3	13.2	2.6	2.3	33.8	23.7	20.5	19.3
Ô tô và phụ tùng	-0.11	9,271	0.1	-3.9	-1.0	49.1	7.7	6.6	1.3	1.2	19.8	16.4	11.5	12.0
Ngân hàng	-5.91	1,629,551	-0.3	-1.4	-1.1	42.3	12.0	9.4	1.9	1.6	30.8	26.6	17.9	18.3
Xây dựng cơ bản	2.92	233,554	2.4	5.3	10.8	108.6	7.7	6.4	0.8	0.6	32.4	23.9	9.3	8.8
Dịch vụ thương mại	-0.01	5,434	0.0	-0.5	3.3	46.4	7.5	5.9	NA	NA	10.8	39.0	9.2	12.1
May mặc và trang sức	0.20	49,154	0.9	1.8	8.2	114.1	15.0	12.1	2.7	2.4	21.5	24.9	15.9	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	9,252	-0.1	-0.8	0.7	29.1	NA	15.5	NA	NA	NA	NA	-9.7	3.9
Dịch vụ tài chính	-0.31	140,028	-1.4	-0.9	-3.4	256.5	6.1	7.1	0.7	0.6	83.1	-9.3	4.7	4.8
Năng lượng	-0.06	91,458	-0.5	-0.1	7.8	34.8	114.5	15.8	2.6	2.5	NA	NA	13.4	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.20	567,810	1.1	-0.8	-1.8	17.3	26.3	17.8	5.2	4.5	59.6	32.8	20.6	22.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	1,376	-2.2	0.7	-20.6	54.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,801	-1.1	-0.7	-2.5	-1.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.18	55,251	0.8	1.2	2.2	20.1	22.5	22.0	1.9	1.7	18.4	2.1	8.0	8.0
Nguyên vật liệu	0.05	601,551	0.3	0.1	8.7	174.2	16.3	15.1	2.5	2.1	NA	2.8	25.6	20.1
Giải trí và truyền thông	0.00	1,396	0.0	-0.6	4.0	-22.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.00	37,242	2.0	4.7	3.5	36.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.91	1,212,602	-0.5	0.1	-0.9	20.9	9.3	8.1	1.5	1.4	4.4	14.7	8.5	9.1
Bán lẻ	-0.76	101,912	0.9	0.7	5.0	55.1	31.7	24.2	2.7	7.1	11.4	44.6	14.9	13.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.72	94,781	0.6	-2.6	2.6	74.9	18.5	14.1	3.9	3.4	30.3	30.2	22.6	25.2
Thiết bị và phần cứng	-0.06	9,866	-0.5	-2.8	2.8	106.1	19.9	16.7	4.2	3.7	27.8	19.2	22.4	23.3
Dịch vụ viễn thông	-0.01	2,242	-1.2	-2.4	-5.4	326.8	22.3	17.3	6.4	4.9	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	0.10	205,298	0.0	-1.1	7.4	380.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.17	310,070	0.0	0.4	4.3	68.8	4.4	17.0	25.7	0.5	19.3	NA	-76.9	46.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
PDR VN	99,000	8.4	4,908,740	1.0
DIG VN	42,600	13.9	9,134,720	0.7
NLG VN	54,200	16.1	6,065,300	0.7
NVL VN	103,300	1.3	2,513,900	0.5
OCB VN	27,050	5.3	5,442,180	0.5
DPM VN	46,550	8.9	8,241,880	0.4
MSB VN	22,900	3.9	5,955,220	0.3
SAM VN	18,150	24.7	3,007,900	0.3
VGC VN	36,800	7.3	1,092,600	0.3
KDH VN	45,550	3.9	3,462,320	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	94,300	-2.3	1,022,260	-2.2
CTG VN	29,650	-3.3	7,516,920	-1.3
SAB VN	156,500	-3.9	227,820	-1.1
MWG VN	127,600	-3.6	1,269,900	-0.9
VHM VN	78,000	-0.9	5,126,620	-0.8
VIC VN	91,800	-0.9	2,226,020	-0.8
HPG VN	56,700	-1.0	27,632,060	-0.7
FPT VN	96,200	-2.7	2,070,800	-0.6
HDB VN	24,550	-4.3	2,781,380	-0.6
MBB VN	27,900	-1.8	8,546,880	-0.5

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.